

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 28 - 10 - 2019
V/v “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Tấn Đầu**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

2. Bà **Huỳnh Phương Lan**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:* Ông **Lâm Sễn** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành-Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 239/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/07/2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐST - HNGĐ ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1997. (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố ĐD, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1997. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TL, xã MT A, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:***

Vào năm 2018, chị và anh H tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã MT A, huyện CT, tỉnh KG.

Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc và rất yêu thương nhau và có 01 con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019. Nhưng thời gian gần đây thì giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H có người phụ nữ khác, thường xuyên đánh đập chị và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Đến nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thanh T có ý kiến:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh H
- Về việc nuôi con chung: Xin nuôi người con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Minh H có ý kiến trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh H thống nhất như chị T đã trình bày. Tuy nhiên về việc chị T khởi kiện xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Minh H có ý kiến

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.
- Về việc nuôi con chung: Không đồng ý với yêu cầu của chị T. Anh yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý hồ sơ, quá trình giải quyết và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; Về nội dung vụ án: xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T là có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận; Về việc nuôi con chung: do cháu Nguyễn Trí N còn nhỏ, chưa được 01 tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ nên cần giao con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019 cho chị T tiếp tục chăm sóc giáo dục, chị T

không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh KG.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Minh H và xin được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

[3] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T cho rằng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nên chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Minh H không đồng ý ly hôn cho rằng còn thương vợ, mong muốn hàn gắn đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Minh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa chị Nguyễn Thanh T cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh H. Do đó việc xin ly hôn của chị T đối với anh H là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh T đối với anh Nguyễn Minh H.

[4] - Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Minh H thống nhất xác định anh chị có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019 hiện nay con đang sống với chị T. Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T xin

nuôi người con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn anh Nguyễn Minh H có ý kiến anh không đồng ý với yêu cầu của chị T. Anh yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy người con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019 đến nay còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đang sinh sống với chị T nên cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển của cháu Nguyễn Trí N nên giao cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Nguyễn Minh H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T đã rút lại yêu cầu này của mình, chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nên ghi nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này của chị Nguyễn Thanh T.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019 cho chị T tiếp tục chăm sóc giáo dục, Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[5] - Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Minh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] - Về nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Minh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên ghi nhận để xem xét.

[8] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005010 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh KG.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Minh H.

1- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với bị đơn và anh Nguyễn Minh H.

2 - Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 19/02/2019 cho chị T tiếp tục chăm sóc giáo dục, chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3- Đình chỉ yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thanh T do chị T rút yêu cầu.

4 - Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Minh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5 - Về nợ chung: Chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Minh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6- Về án phí : Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005010 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh KG.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mai Tấn Đầu